

**BẢNG THEO DÕI BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 766/QĐ-TTG**

Tuần 42 Tháng 10/2024

STT	Tên Cơ quan	Số hoá tái sử dụng lại	Công bố vào thứ 2 hàng tuần								
			Số hoá Hồ sơ (Chứng thực điện tử), tỷ lệ quy định từ 100%	Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu mức độ hài lòng tỷ lệ quy định 100%	Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết, Tỷ lệ quy định 90-100%	Chỉ tiêu Công khai minh bạch, tỷ lệ quy định 80%-90%	Chỉ tiêu Tổng hợp 18/10/2024	Tăng giảm so với tuần trước	Chỉ tiêu Tổng hợp 11/10//2024
	Xã, thị trấn		Nhóm V	Nhóm III	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm I			
1	UBND xã Bình Thành	289	86,90%	99,19%	98,30%	100%	98,83%	100%	90,02	-0,16	90,18
2	UBND TT Phú Hòa	36	82,50%	90,79%	97,20%	100%	100,00%	100%	89,74	-0,14	89,88
3	UBND xã An Bình	62	83,50%	97,08%	97,4%	100%	100,00%	100%	89,23	-0,4	89,63
4	UBND xã Vĩnh Khánh	5	82,30%	78,49%	92,6%	100%	100%	100%	89,15	0,19	88,96
5	UBND xã Vĩnh Trạch	35	82,90%	100,00%	97,3%	100%	99,45%	100%	89,13	-0,32	89,45
6	UBND xã Thoại Giang	46	82,20%	97,89%	95,50%	100%	99,56%	100%	88,99	2,96	86,03
7	UBND xã Phú Thuận	36	83,10%	97,31%	99,70%	100%	97,98%	100%	88,83	0,01	88,82
8	UBND xã Vọng Đông	22	82,00%	74,14%	94,70%	100,0%	100,00%	95,8%	88,69	0,27	88,42
9	UBND xã Định Mỹ	20	79,60%	98,40%	93,10%	100%	98%	100%	88	-0,59	88,59
10	UBND xã Vọng Thê	47	84,30%	97,47%	97,30%	100,0%	98,66%	89,2%	87,26	-1,98	89,24
11	UBND xã Tây Phú	23	83,50%	86,21%	99,20%	100%	96,40%	93%	87,26	-1	88,26
12	UBND xã Vĩnh Phú	83	84,80%	99,01%	94,50%	100,0%	98,17%	82,3%	86,24	7,15	79,09
13	UBND xã Mỹ Phú Đông	0	81,70%	93,81%	99,10%	100%	100,00%	82,5%	85,69	5,27	80,42
14	UBND xã Vĩnh Chánh	50	84,00%	95,26%	99,2%	100%	98,87%	76,6%	85,68	3,62	82,06
15	UBND TT Núi Sập	0	80,40%	78,75%	96,5%	100,0%	94,44%	85,8%	84,71	0,62	84,09
16	UBND TT Ốc Eo	3	80,50%	89,87%	81,00%	100%	97,80%	50,2%	78,24	-3,79	82,03
17	UBND xã Định Thành	1	77,20%	92,86%	88,60%	100%	97,83%	28,9%	71,48	2,98	68,5
Toàn huyện đạt		758	80,50%	64,62%	88,20%	98,8%	88,18%	100	86,49	2,01	84,48

Tăng giảm so với Tuần trước - 187

0,7

4,32

2,8

2,6

6,95

0

2,01